

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 453/2019/DS-PT

Ngày 26/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương T7.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn P

Ông Nguyễn Tấn Tăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn B Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21,26/11/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT- DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/ DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2019/QĐ – PT ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh, Chức vụ: chủ tịch Hội đồng Thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Văn H, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Huỳnh Thị Quỳnh Hoa và Nguyễn Thị Mai – Văn phòng luật sư Quỳnh Hoa thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Ông Mai Hữu T, sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là: ông Lê Gia T2, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2/ Ông Mai Hữu T3, sinh năm 1973;

3/ Ông Mai Hữu T4, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T4, ông T3 là: ông Trần Thanh H, sinh năm 1963, địa chỉ số A đường số A, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4/ Ông Mai Hữu U, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông U là luật sư Cao M T3 – Văn phòng luật sư Chí Công thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Kim L, sinh năm 1929;

2/ Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1979;

3/ Ông Mai Hữu T4, sinh năm 1963;

4/ Ông Mai Hữu T3, sinh năm 1973;

5/ Bà Lê Thị Lệ T7, sinh năm 1961;

6/ Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1974;

7/ Anh Mai Hữu T, sinh năm 1982;

8/ Anh Mai Hữu X, sinh năm 1990;

9/ Chị Mai Trúc P, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Ông Mai Hữu U, sinh năm 1963;

11/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1967;

12/ Chị Mai Anh Đ, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

13/ Ông Trần Thanh N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

14/ Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

15/ Bà Châu Thị Kim H, sinh năm 1974;

16/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

17/ Ông Võ Văn U Em, sinh năm 1965;

18/ Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1966;

19/ Anh Võ Nguyễn Lê M, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: A, ấp A, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U Em, bà H2 là: ông Trần Thanh H, sinh năm 1963, địa chỉ số 13/26 đường số 11, phường 4, thành phố Long An, tỉnh Long An .

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà Thanh B, chị Trúc P, bà T7, anh T, anh X, bà N, chị Đ, ông N, bà Đ, ông H, bà Hương là ông Mai Hữu U.

Người đại diện theo ủy quyền của Võ Nguyễn Lê M là: ông Võ Văn U Em.

3. Người kháng cáo ông Mai Hữu U, Mai Hữu T4, Mai Hữu T3, Mai Hữu T, bà Võ Kim L, anh Mai Hữu T, chị Mai Hữu X, chị Mai Anh Đ, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Trúc P, chị Mai Thị Thanh B, chị Võ Thị Đ, bà Lê Thị Lệ T7, ông Võ Văn U Em, bà Nguyễn Thị Lệ H2 là bị đơn và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Ngân hàng Nông nghiệp, ông H có mặt, ông U, ông T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2016,, đơn trình bày ý kiến, yêu cầu ngày 21/5/2018 và ngày 04/5/2018 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam ủy quyền cho anh Đinh Văn H trình bày:

+ Ngày 07/11/2012 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Châu Thành Đồng Tháp (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Mai Hữu U vay số tiền vốn là 4.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.039/HĐTD ngày 07/11/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính từ

ngày 07/11/2012 đến ngày 07/11/2013 với mức lãi suất là 0,9167%/tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1) Hợp đồng số 039TS/AN-TP ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 255, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.341m² đất.

2) Hợp đồng số 039TS/AN-SĐ - TQT ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 466, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.000,1m² đất; thửa 85, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.158m² đất; thửa 74, tờ bản đồ 26, diện tích 5.218,4m² đất và thửa 63, tờ bản đồ 26, diện tích 4.663m² đất.

3) Hợp đồng số 039TS/AN-TPĐ ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 138, tờ bản đồ số 41, diện tích 3.904,6m² đất và thửa 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 7.485,4m² đất.

4) Hợp đồng số 039TS/AN-TNĐ ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 311, tờ bản đồ số 64, diện tích 2.078m² đất.

5) Hợp đồng số 039TS/AN ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 1102, tờ bản đồ số 02, diện tích 975m² đất và thửa 3061, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.724m² đất.

6) Hợp đồng số 039TS/AN-HT ký ngày 02/11/2012 để thế chấp thửa đất số 399, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.650m² đất.

+ Ngày 13/12/2012 Ngân hàng có cho ông Mai Hữu T vay số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số LAV201207040/HĐTD ngày 13/12/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính kể từ ngày 13/12/2012 đến ngày 13/12/2013 với mức lãi suất là 0,9166%/ tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn

Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và chị Mai Trúc P có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1) Hợp đồng số 46/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất.

2) Hợp đồng số 46BTB/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất, thửa 128, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.058m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất.

+ Ngày 22/11/2012 Ngân hàng có cho ông Mai Hữu T3 vay số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.049/HĐTD ngày 22/11/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính kể từ ngày 22/11/2012 đến ngày 22/11/2013 với mức lãi suất là 0,9166%/tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1) Hợp đồng số 42BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 135, tờ bản đồ số 41, diện tích 913m² đất và thửa 153, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.626m² đất.

2) Hợp đồng số 42/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 134, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.627m² đất.

3) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 41, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.801,3m² đất và thửa 45, tờ bản đồ số 40, diện tích 7.200m² đất.

4) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 101, tờ bản đồ số 17, diện tích 399,4m² đất và thửa 71, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.803,4m² đất.

5) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.816m² đất.

+ Ngày 06/12/2012 Ngân hàng có cho ông Mai Hữu T4 vay số tiền vốn là 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số LAV201206904/HĐTD ngày 06/12/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính kể từ ngày 06/12/2012 đến ngày 06/12/2013 với mức lãi suất là 0,9166%/ tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1) Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 223, tờ bản đồ số 26, diện tích 4.798,4m² đất.

2) Hợp đồng số 45/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 261, tờ bản đồ số 36, diện tích 4.629m² đất.

3) Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.841m² đất; thửa 227, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.063m² đất; thửa 308, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.061m² đất; thửa 381, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.709,6m² đất; thửa 2209, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.231m² đất; thửa 2214, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.550m² đất; thửa 2210, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.487m² đất và thửa 2215, tờ bản đồ số 01, diện tích 950m² đất.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng thì phía ông U, ông T4, ông T3 và ông T không tắt toán hợp đồng cho Ngân hàng; do đó Ngân hàng yêu cầu ông Mai Hữu U, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu

T và ông Mai Hữu T3 thanh toán các khoản vay cho Ngân hàng cụ thể như sau:

Yêu cầu ông Mai Hữu U trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.591.958.334 đồng, tổng cộng chung vốn và lãi là 7.591.958.334 đồng.

Yêu cầu ông Mai Hữu T4 trả số tiền nợ gốc là 1.400.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến 06/11/2018 là 1.244.650.000 đồng, tổng cộng chung vốn và lãi là 2.644.650.000đồng.

Yêu cầu ông Mai Hữu T trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến 06/11/2018 là 1.772.588.888 đồng, tổng cộng chung là 3.772.588.888 đồng.

Yêu cầu ông Mai Hữu T3 trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến ngày 25/7/2018 là 1.786.736.112 đồng, tổng cộng chung là 3.786.736.112 đồng.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu khoan nợ của các ông U, T, T4 và T3, Ngân hàng đã thông báo cho các ông không được khoan nợ, với lý do cá chết không phải do dịch bệnh. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã có văn bản trả lời cho các KH nại của các ông, là việc không đồng ý khoan nợ là đúng quy định; đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, với các khó khăn của khách hàng, người vay vốn; Ngân hàng cũng đã xem xét đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho các ông U, T, T4 và T3. Do đó, yêu cầu các các ông U, T, T4 và T3 phải thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp, trả vốn vay và lãi cho Ngân hàng.

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa các bị đơn ông Mai Hữu U, người được ủy quyền của bị đơn Mai Hữu T là ông Lê Gia T2 và người được ủy quyền của Mai Hữu T4 và Mai Hữu T3 là ông Trần Thanh H đồng trình bày:

Các ông Mai Hữu U, ông Mai Hữu T, ông Mai Hữu T4 và ông Mai Hữu T3 có vay tiền của Ngân hàng và thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, với số tiền vốn vay và các tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày là đúng. Mục đích vay tiền là để nuôi cá, tuy nhiên trong quá trình sử dụng vốn vay để nuôi cá, thì cá bị chết hàng loạt do bị dịch bệnh, các ông mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân Hàng và đã có rất nhiều văn bản đề nghị phía Ngân hàng khoan nợ cho các ông theo Quyết định số 540/QĐTTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính Sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra; nhưng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Châu Thành đã không thực hiện việc khoan nợ theo chính sách cho các ông. Các ông tiếp tục yêu cầu Ngân hàng phải xem xét khoan nợ cho các ông theo Quyết định số 540/QĐTTg của Chính phủ.

Nay ông T3 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay con tH là 2.000.000.000 đồng, ông T4 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.400.000.000 đồng, ông T đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, ông U đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 4.000.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng ông T3, ông T4, ông T và ông U đồng ý trả tiền lãi đến ngày 30/7/2014, thời gian từ 31/7/2014 trở về sau không đồng ý trả lãi, do Ngân hàng không đồng ý khoan nợ cho các ông, không thông báo cho các ông biết sớm về việc không được khoan nợ.

Ông U, ông T, ông T4 và ông T3 tại phiên tòa đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký trong trường hợp các ông không trả được nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra các bị đơn yêu cầu đưa ông Trần Công Quyền, nguyên là Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Châu Thành; UBND xã An Nhơn- huyện Châu Thành vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông U Em, bà Lệ H2 cùng ủy quyền cho ông Trần Thanh H trình bày:

Phần đất thửa 101 tại ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp nguồn gốc là của ông bà chuyển nhượng cho ông Mai Hữu U trọn thửa, sau đó ông U hứa chừa lại cho ông bà phần diện tích khoảng 200m² để cất nhà và ông bà đã cất nhà ở từ 2012 đến nay. Việc ông U thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất này cho Ngân hàng thì ông bà không biết, nay Ngân hàng yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp trong trường hợp ông U không trả được nợ, buộc ông bà giao đất cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý giao đất cho Ngân hàng xử lý, nhưng có đề nghị Ngân hàng ưu tiên cho ông bà được nhận chuyển nhượng lại phần đất diện tích khoảng 200m² mà gia đình đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày ý kiến: Do là con của ông U Em và bà Lệ H2 nên anh Lê M thống nhất theo ý kiến của ông U Em và bà Lệ H2, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà L, bà Thanh B, chị Trúc P, bà T7, anh T, anh X, bà N, chị Đ, ông N, bà Đ, ông H, bà Hương cùng ủy quyền cho ông Mai Hữu U trình bày:

Do cùng là thân tộc với nhau nên các ông, bà, anh, chị có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các hợp đồng vay của

ông U, ông T3, ông T4 và ông T. Trong trường hợp các ông U, ông T3, ông T4 và ông T không trả được nợ vay cho Ngân hàng và Ngân hàng yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp buộc giao đất cho Ngân hàng thì ông, bà, anh, chị đồng ý giao đất cho Ngân hàng xử lý theo pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Riêng ông N, ông H, bà Hương chỉ là người trong coi, quản lý đất và ao cho ông U, quyền sử dụng đất là của ông U và gia đình; do đó các ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu Ngân hàng yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp buộc các ông, bà giao đất cho Ngân hàng xử lý các ông, bà đồng ý giao đất cho Ngân hàng ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tuấn K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày ý kiến:

Anh K chỉ thuê đất ông U làm lúa theo mùa vụ hàng năm, anh không biết việc ông U thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất này cho Ngân hàng, nay anh xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu Ngân hàng yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp buộc anh giao đất cho Ngân hàng anh đồng ý giao đất cho Ngân hàng ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 58/2018/DS-ST, ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc các bị đơn trả tiền vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, cụ thể:

- Ông Mai Hữu U trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.591.958.334 đồng, tổng cộng chung vốn và lãi là 7.591.958.334 đồng.

- Ông Mai Hữu T4 trả số tiền nợ gốc là 1.400.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến 06/11/2018 là 1.244.650.000 đồng, tổng cộng chung vốn và lãi là 2.644.650.000 đồng.

- Ông Mai Hữu T3 trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến 06/11/2018 là 1.786.736.112 đồng, tổng cộng chung là 3.786.736.112 đồng.

- Ông Mai Hữu T trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 1.772.588.888 đồng, tổng cộng chung là 3.772.588.888 đồng.

Các ông Mai Hữu U, Mai Hữu T4, Mai Hữu T3 và Mai Hữu T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/11/2018, với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, gồm các

Hợp đồng: số 031211039/HĐTD ngày 07/11/2012; LAV201206904//HĐTD ngày 06/12/2012; 02031211.049//HĐTD ngày 22/11/2012; LAV201207040/HĐTD ngày 13/12/2012, cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đã thế chấp sau:

3.1. Phát mãi tài sản của ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ theo các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng số 039TS/AN-TP ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 255, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.341m² đất.

- Hợp đồng số 039TS/AN-SĐ - TQT ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 466, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.000,1m² đất; thửa 85, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.158m² đất; thửa 74, tờ bản đồ 26, diện tích 5.218,4m² đất và thửa 63, tờ bản đồ 26, diện tích 4.663m² đất.

- Hợp đồng số 039TS/AN-TPĐ ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 138, tờ bản đồ số 41, diện tích 3.904,6m² đất và thửa 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 7.485,4m² đất.

- Hợp đồng số 039TS/AN-TNĐ ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 311, tờ bản đồ số 64, diện tích 2.078m² đất.

- Hợp đồng số 039TS/AN ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 1102, tờ bản đồ số 02, diện tích 975m² đất và thửa 3061, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.724m² đất.

- Hợp đồng số 039TS/AN-HT ký ngày 02/11/2012 thế chấp thửa đất số 399, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.650m² đất.

3.2. Phát mãi tài sản của ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và chị Mai Trúc P theo các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng số 46/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất.

- Hợp đồng số 46BTB/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất, thửa 128, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.058m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất.

3.3. Phát mãi tài sản của ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ theo các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng số 42BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 135, tờ bản đồ số 41, diện tích 913m² đất và thửa 153, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.626m² đất.

- Hợp đồng số 42/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 134, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.627m² đất.

- Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 41, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.801,3m² đất và thửa 45, tờ bản đồ số 40, diện tích 7.200m² đất.

- Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 101, tờ bản đồ số 17, diện tích 399,4m² đất và thửa 71, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.803,4m² đất.

- Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012 thế chấp thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.816m² đất.

3.4. Phát mãi tài sản của ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ theo các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 223, tờ bản đồ số 26, diện tích 4.798,4m² đất.

- Hợp đồng số 45/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 261, tờ bản đồ số 36, diện tích 4.629m² đất.

- Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012 thế chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.841m² đất; thửa 227, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.063m² đất; thửa 308, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.061m² đất; thửa 381, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.709,6m² đất; thửa 2209, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.231m² đất; thửa 2214, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.550m² đất; thửa 2210, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.487m² đất và thửa 2215, tờ bản đồ số 01, diện tích 950m² đất.

4. Buộc các đương sự:

- Anh Nguyễn Tuấn K phải di dời nhà cửa, công trình kiến trúc và cây trồng và giao phần đất đang quản lý sử dụng thuộc thửa 255, tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án.

- Ông Trần Thanh N phải di dời nhà cửa, công trình kiến trúc và cây trồng và giao các phần đất đang quản lý sử dụng thuộc các thửa: thửa 153 và thửa 153 cùng tờ bản đồ số 41, tọa lạc xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án.

- Châu Thị Kim Hương, Nguyễn Văn H phải di dời nhà cửa, công trình kiến trúc và cây trồng và giao các phần đất đang quản lý sử dụng thuộc các thửa: thửa 223, tờ bản đồ số 26, tọa lạc khóm Tân An, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; thửa 446, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; thửa 85, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; thửa 69, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án.

- Võ Văn U Em, Nguyễn Thị Lệ H2 và Võ Nguyễn Lê M phải di dời nhà cửa, công trình kiến trúc và cây trồng và giao phần đất đang quản lý sử dụng thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 17, ấp Tân Lợi, xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Hữu U phải nộp 115.591.958 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Hữu T4 phải nộp 84.893.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Hữu T3 phải nộp 107.734.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Hữu T phải nộp 106.451.777 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được hoàn lại tiền tạm ứng án phí gồm: số tiền 44.640.000 đồng theo biên lai thu số 11806 ngày 22/11/2016; số tiền 32.970.000 đồng theo biên lai thu số 11808 ngày 22/11/2016; số tiền 57.065.000 đồng theo biên lai thu số 11809 ngày 22/11/2016; số tiền 44.269.000 đồng theo biên lai thu số

11810 ngày 22/11/2016 và số tiền 2.2912.000 đồng theo biên lai thu số 02939 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 và 20/11/2018, ông Mai Hữu U, Mai Hữu T4, Mai Hữu T, Mai Hữu T3 kháng cáo với nội dung: Các ông đồng ý trả khoản lãi vay cho Agribank chi nhánh Châu Thành từ ngày 13/12/2012 đến ngày 30/7/2014 và nợ gốc và yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 09/11/2018, bà Võ Kim L, anh Mai Hữu T, chị Mai Hữu X, chị Mai Anh Đ, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Trúc P, chị Mai Thị Thanh B, chị Võ Thị Đ, bà Lê Thị Lệ T7 kháng cáo với nội dung: không đồng ý về việc Ngân hàng yêu cầu tòa án xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

Ngày 20/11/2018, ông Võ Văn U Em, bà Nguyễn Thị Lệ H2 kháng cáo với nội dung: không đồng ý cho Ngân hàng xử lý để thi hành án cho khoản nợ vay của ông Mai Hữu U, vì ông, bà là người thứ ba ngay tình.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Mai Hữu U, Mai Hữu T, Mai Hữu T3, Mai Hữu T4, có thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho các ông và Ngân hàng thỏa thuận việc trả nợ trong thời hạn 04 tháng (từ ngày 24/7/2019 đến ngày 24/7/2011). Nếu sau thời gian này mà các ông không trả được thì các ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng mà các ông đã ký vay. Đối với hợp đồng thế chấp của ông Mai Hữu T3 và ông Mai Hữu T4 đã tắt toán cho Ngân hàng xong nên Ngân hàng rU đơn khởi kiện không yêu cầu trả nợ đối với hợp đồng của ông T4 và ông T3.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2019 Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu ông Mai Hữu T và bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị

Mai Trúc P trả cho Ngân hàng số tiền theo hợp đồng đã ký còn lại vốn và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.018.266.667 đồng; Ngân hàng yêu cầu ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 26/11/2018 là 5.695.000.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Buộc ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và chị Mai Trúc P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành số tiền là 3.018.266.667 đồng; Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng thế chấp tài sản của ông Mai Hữu U và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Đình chỉ và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng thế chấp của ông Mai Hữu T4 và ông Mai Hữu T3 đối với Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Châu Thành.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Mai Hữu U Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 07/11/2012 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Châu Thành Đồng Tháp có cho ông

Mai Hữu U vay số tiền vốn là 4.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.039/HĐTD ngày 07/11/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 07/11/2012 đến ngày 07/11/2013 với mức lãi suất là 0,9167%/ tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì có bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ có ký thế chấp cùng ông. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Mai Hữu U cũng đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký trong trường hợp ông không trả được nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì ông U trình bày đối với thửa đất số 1102, tờ bản đồ số 02, diện tích 975m² đất và thửa 3061, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.724 m² đất tọa lạc tại ấp An Thạnh, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thì gia đình ông đã cho anh Nguyễn M Sang thuê và có làm hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành nhưng trên phần diện tích đất mà ông U đã thế chấp cho Ngân hàng thì có cho anh Nguyễn M Sang thuê và đã quản lý diện tích đất thuê đối với 02 thửa 1102 và 3061, nhưng Tòa án chưa đưa anh Sang vào tham gia tố tụng để giải quyết là chưa triệt để nội dung vụ án để đảm bảo thi hành án. Mặt khác tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2019 của anh Sang, anh cũng yêu cầu đưa anh vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh nên cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng 02031211.039/HĐTD ngày 07/11/2012 để Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do cấp phúc thẩm ông U mới trình bày là cho anh Sang thuê đất nên xác định đây là do lỗi khách quan của cấp sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3 các ông đã vay của Ngân hàng theo các hợp đồng 02031211.049/HĐTD ngày 22/11/2012; LAV201206904/HĐTD ngày 06/12/2012 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm Ông T4 và ông T3 đã tắt toán cho Ngân hàng xong và Ngân hàng cũng đã trả lại các tài sản thế chấp cho các ông. Nay Ngân

hàng có đơn xin rU đơn khởi kiện đối với ông T4 và ông T3. Ông T4 và ông T3 đồng ý cho Ngân hàng rU đơn khởi kiện, các ông đồng ý rU đơn kháng cáo và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý. Do vậy hội đồng xét xử hủy và đình chỉ xét xử một phần vụ án đối với 02 hợp đồng thế chấp trên của ông T4 và ông T3.

Xét kháng cáo của ông Mai Hữu T, bà Đ, bà L, ông T4, ông T3, bà T7, bà B, anh T, anh X, chị P đối với hợp đồng thế chấp của ông Mai Hữu T. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 13/12/2012 Ngân hàng có cho ông Mai Hữu T vay số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số LAV201207040/HĐTD ngày 13/12/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính kể từ ngày 13/12/2012 đến ngày 13/12/2013 với mức lãi suất là 0,9166%/ tháng. Để đảm bảo cho khoản vay ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và chị Mai Trúc P có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký cụ thể như sau:

1) Hợp đồng số 46/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất.

2) Hợp đồng số 46BTB/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất, thửa 128, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.058m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất.

+ Ngày 22/11/2012 Ngân hàng có cho ông Mai Hữu T3 vay số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.049/HĐTD ngày 22/11/2012, thời hạn vay là 12 tháng tính kể từ ngày 22/11/2012 đến ngày 22/11/2013 với mức lãi suất là 0,9166%/ tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có yêu cầu tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết

vụ án (từ ngày 24/7/2019 đến 24/11/2019). Nếu đến hết ngày thỏa thuận này mà các đương sự không thực hiện được thì các ông đồng ý trả theo hợp đồng thế chấp mà các ông đã ký với Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2019 thì nguyên đơn là Ngân hàng trình bày ông T có trả đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.058 m² và Ngân hàng cũng đã trả tài sản thế chấp này cho ông T. Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và Mai Trúc P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.018.266,667 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận. Nên buộc Ông T và bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và Mai Trúc P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi và không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà Đ, bà L, ông T4, ông T3, bà T7, bà B, anh T, anh X, chị P.

Do hủy một phần bản án đối với hợp đồng thế chấp của ông Mai Hữu U nên chưa xem xét kháng cáo của ông Võ Văn U Em và bà Nguyễn Thị Lệ H2.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Qua các phiên tòa thì các bên đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý cho nguyên đơn rU đơn khởi kiện và cũng đã thỏa thuận với Ngân hàng. Đối với thửa 1102 và 3061 thì ông Mai Hữu U có cho anh Nguyễn M Sang thuê thì không có thông báo cho Ngân hàng biết. Việc Ngân hàng cho các nguyên đơn vay là đúng quy định của pháp luật. Do vậy không đồng ý hủy một phần bản án đối với hợp đồng của Ngân hàng đối với hợp đồng vay của ông Mai Hữu U mà yêu cầu Tòa án tách ra giải quyết giữa

anh Sang và ông U bằng một vụ án khác. Xét lời đề nghị của luật sư là chưa phù hợp với nhận định nêu trên nên không chấp nhận.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai Hữu U là luật sư Cao M T3 trình bày: Ngày 07/11/2012 ông Mai Hữu U có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện Châu Thành. Để đảm bảo cho khoản vay này thì bà Ngô Thị Tuyết N, Mai Anh Đ có ký thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 02031211.039/HĐTD ngày 07/11/2012, thời hạn vay là 12 tháng với mức lãi suất là 0,9167% để vay số tiền là 4.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm thì ông U có trình bày và cung cấp cho Tòa án một hợp đồng thuê đất có công chứng giữa gia đình ông U và anh Nguyễn M Sang tại thửa đất số 1102, tờ bản đồ số 02, diện tích 975m² đất và thửa 3061, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.724 m² đất và anh Sang cũng đã có yêu cầu đưa anh vào tham gia tố tụng để bảo đảm quyền lợi cho anh. Do vậy khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa anh Sang vào tham gia tố tụng là vi phạm sẽ ảnh hưởng đến việc thi hành án sau này cho Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng tín dụng giữa ông Mai Hữu U với Ngân hàng. Xét lời đề nghị của luật sư là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do ông T4, ông T3, ông T có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ nên xem xét giảm 50% án phí cho các ông.

Đối với ông Mai Hữu U thì sẽ được tính khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Mai Hữu U, Võ Văn U Em và Nguyễn Thị Lệ H2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà Võ Kim L được miễn án phí phúc thẩm.

Mai Hữu T3, Mai Hữu T4, Nguyễn Thị Thanh B, Mai Trúc P, Ngô Thị Tuyết N, Mai Anh Đ, Lê Thị Lệ T7, Mai Hữu T, Mai Hữu

X, Võ Thị Đ mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Buộc ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X và chị Mai Trúc P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành số tiền là 3.018.266.667 đồng; hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng thế chấp tài sản của ông Mai Hữu U và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Đình chỉ và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với hợp đồng thế chấp của ông Mai Hữu T4 và ông Mai Hữu T3 đối với Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Châu Thành. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 148; Điều 299, Điều 300, khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 342, 343, 347, 351, 355, 471, 474, 476, 478 và Điều 721 của

Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc **ông Mai Hữu T**, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền vốn và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.018.266.667 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/11/2018, với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, theo Hợp đồng LAV201207040/HĐTD ngày 13/12/2012, cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Đối với, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P chỉ chịu trách nhiệm liên đới trả nợ tương ứng với giá trị tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số:

1) Hợp đồng số 46/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất.

2) Hợp đồng số 46BTB/AN ký ngày 12/12/2012 thế chấp thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số

13, diện tích 7.685m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất.

- Công nhận hợp đồng thế chấp:

1) Hợp đồng số 46/AN ký ngày 12/12/2012 giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tài sản thế chấp thửa đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất.

2) Hợp đồng số 46BTB/AN ký ngày 12/12/2012 giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tài sản thế chấp thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất.

Trường hợp ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản thế chấp trong các hợp đồng thế chấp số 46/AN ký ngày 12/12/2012, Hợp đồng số 46BTB/AN ngày 12/12/2012 nói trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Hộ bà Võ Kim L (gồm các thành viên ông Mai Hữu T, bà Võ Thị Đ, bà Võ Kim L, ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T3, bà Lê Thị Lệ T7, bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, chị Mai Thị Trúc P) được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2804, tờ bản đồ

số 02, diện tích 6.425m² đất, số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2804, tờ bản đồ số 02, diện tích 6.425m² đất, số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.829m² đất, thửa số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.685m² đất và thửa 163, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.053m² đất cho hộ bà Võ Kim L khi trả xong.

- Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/ DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 và đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm 308/2016/TLST – DS ngày 23/11/2016 của Tòa án huyện Châu Thành đối với phần yêu cầu của Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đối với **ông Mai Hữu T4**, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ liên đới trả số tiền 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số LAV201206904/HĐTD ngày 06/12/2012.

Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ về việc chấm dứt các hợp đồng thế chấp:

1) Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012, giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tài sản thế chấp thửa đất số 223, tờ bản đồ số 26, diện tích 4.798,4m² đất

2) Hợp đồng số 45/AN ngày 30/11/2012 giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh

Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tài sản thế chấp thửa đất số 261, tờ bản đồ số 36, diện tích 4.629m² đất.

3) Hợp đồng số 45 BTB/AN ngày 30/11/2012 giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T4, ông Mai Hữu T4, bà Lê Thị Lệ T7, anh Mai Hữu T, anh Mai Hữu X, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N, chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tài sản thế chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.841m² đất; thửa 227, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.063m² đất; thửa 308, tờ bản đồ số 18, diện tích 2.061m² đất; thửa 381, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.709,6m² đất; thửa 2209, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.231m² đất; thửa 2214, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.550m² đất; thửa 2210, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.487m² đất và thửa 2215, tờ bản đồ số 01, diện tích 950m² đất.

- Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/ DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 và đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm 308/2016/TLST – DS ngày 23/11/2016 của Tòa án huyện Châu Thành đối với phần yêu cầu của Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đối với **ông Mai Hữu T3** , bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ liên đới trả số tiền 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.049/HĐTD ngày 22/11/2012.

Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ về việc chấm dứt các hợp đồng thế chấp:

1) Hợp đồng số 42BTB/AN ký ngày 17/11/2012, giữa người thế chấp là ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ, người nhận thế

chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thửa đất số 135, tờ bản đồ số 41, diện tích 913m² đất và thửa 153, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.626m² đất.

2) Hợp đồng số 42/AN ký ngày 17/11/2012, giữa ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thửa đất số 134, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.627m² đất.

3) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012, giữa ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thửa đất số 41, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.801,3m² đất và thửa 45, tờ bản đồ số 40, diện tích 7.200m² đất.

4) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012, giữa ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thửa đất số 101, tờ bản đồ số 17, diện tích 399,4m² đất và thửa 71, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.803,4m² đất.

5) Hợp đồng số 42 BTB/AN ký ngày 17/11/2012, giữa ông Mai Hữu T3, bà Nguyễn Thị Thanh B, chị Mai Trúc P, ông Mai Hữu U, bà Ngô Thị Tuyết N và chị Mai Anh Đ, người nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.816m² đất.

[4] Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/ DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 và vụ án dân sự sơ thẩm số 308/2016/TLST – DS ngày 23/11/2016 của Tòa án huyện Châu Thành đối với hợp đồng tín dụng đã ký số 02031211.039/HĐTD ngày

07/11/2012 giữa ông Mai Hữu U với Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Châu Thành về việc Ngân hàng yêu cầu ông Mai Hữu U trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 3.591.958.334 đồng, tổng cộng chung vốn và lãi là 7.591.958.334 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Hữu T4 phải nộp 42.446.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Hữu T3 phải nộp 53.867.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Hữu T phải nộp 45.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được hoàn lại tiền tạm ứng án phí gồm: số tiền 44.640.000 đồng theo biên lai thu số 11806 ngày 22/11/2016; số tiền 32.970.000 đồng theo biên lai thu số 11808 ngày 22/11/2016; số tiền 44.269.000 đồng theo biên lai thu số 11810 ngày 22/11/2016 và số tiền 2.292.000 đồng theo biên lai thu số 02939 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

- Về án phí phúc thẩm:

Nguyễn Thị Thanh B, Mai Trúc P, Ngô Thị Tuyết N, Mai Anh Đ, Lê Thị Lệ T7, Mai Hữu T, Mai Hữu X, Võ Thị Đ mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 03605, 03604, 03609, 03608, 03607, 03602, 03603, 03606 cùng ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (đã nộp xong).

Ông Mai Hữu T, Mai Hữu T3, ông Mai Hữu T4 mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu

tạm ứng án phí số 03574, 03575, 03576 cùng ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự (đã nộp xong)

Hoàn trả lại cho ông Võ Văn U Em và bà Nguyễn Thị Lệ H2 số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03613 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Võ Kim L được miễn án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Mai Hữu U số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03573 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương T7